TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 256/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà V Thiên H
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại
Ông Nguyễn Quang Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn – Thư ký TAND huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Bà V Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp *"*Xin ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022 ngày 17/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022 ngày 24/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991;** HKTT và nơi cư trú: Xóm B, thôn T, xã S, huyện K, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Công nhân công ty XXX, xã K, huyện K, thành phố Hà Nội. "Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt"

Bị đơn: **Anh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1990**; HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện K, TP Hà Nội. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 05/4/2022, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử (Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa), nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về tình cảm: Tôi và anh Nguyễn Tuấn V có tìm hiểu nhau khoảng 1 năm thì tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2010 tại UBND xã S, huyện K, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn tôi và anh V chuyển về sinh sống cùng gia đình anh V tại Thôn T, xã S, huyện K, TP Hà Nội. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh V không chịu làm ăn, suốt ngày rượu chè bê tha và chơi lô đề cờ bạc, thường

xuyên đánh đập tôi, nên chúng tôi thường xuyên xảy cãi nhau, cứ mỗi lần anh V đi uống rượu về tôi không chịu nổi là vợ chồng tôi cãi nhau và những lần đó anh V đều đánh tôi, tôi không nhớ được anh V đã đánh tôi bao nhiêu lần nữa. Sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng tôi cũng có ngồi lại để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện, anh V vẫn chứng nào tật đấy. Đến tháng 3/2019 thì mâu thuẫn vợ chồng tôi trầm trọng, tôi mang theo con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Tuấn V.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Tuấn V có 02 con chung tên Nguyễn Thùy V, sinh ngày 26/01/2010 và cháu Nguyễn V D, sinh ngày 26/01/2010. Hiện nay cháu V và cháu D đang sinh sống cùng tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu D. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu. Về điều kiện nuôi con, hiện nay tôi đang làm công nhân công ty XXX thu nhập bình quân khoảng 7-8 triệu/tháng. Về nơi ăn chốn ở hiện nay đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của tôi tại thôn T, xã S, K, Hà Nội, tại đây tôi có phòng riêng để tiện chăm sóc con cái.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn V vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt cho anh V thông báo thụ lý vụ án số 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2022; Thông báo lời khai của chị Nguyễn Thị H; Các giấy triệu tập đến Tòa án để công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, tuy nhiên anh Nguyễn Tuấn V vẫn vắng mặt không có lý do, không có quan điểm, ý kiến tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện K thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không hợp tác, nhiều lần không đến Tòa án, không chấp hành pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án: Chị H và anh V có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2010 tại UBND xã S, huyện K, TP Hà Nội. Đến tháng 3/2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Xét chị H và anh V không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2019. Chị H, anh V đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo khoản 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cho chị H được ly hôn với anh V là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thùy V, sinh ngày 26/01/2010 và cháu Nguyễn V D, sinh ngày 26/01/2010. Khi ly hôn, giao cháu V và cháu D cho chị H được chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu, đề nghị tạm hoãn việc cấp

dưỡng nuôi con của anh V cho chị H đến khi cháu V và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị H có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền theo cấp Tòa án, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại thôn T, xã S, huyện K, thành phố Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện K thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H: Xét thấy ngày 27/6/2022 chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H giữ nguyên lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt chị H là có căn cứ

Nhận định về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tuấn V: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt là lần thứ 2 không có lý do chính đáng mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt anh V là có căn cứ.

[3]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tuấn V đăng ký kết hôn ngày 19/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, TP Hà Nội, có xuất trình trích lục kết hôn bản sao, đủ cơ sở kết luận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chuẩn bị xét xử, chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng do anh V không chịu làm ăn, rượu chè, cờ bạc, hay đánh chị H, anh V không có lời khai, tuy nhiên mẹ đẻ anh V là bà Nguyễn Thị Làm cung cấp: *"....vợ chồng hai cháu bất đồng quan điểm sống, cháu V thường xuyên rượu chè, mỗi khi uống rượu là về đánh cháu H vì ghen tuông vô cớ. Đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng, cháu H chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ của cháu, cháu V và cháu H ly thân nhau từ đó đến nay..."*, chính quyền địa ph cung cấp: *"....anh V hay cờ bạc, thường xuyên rượu chè. Đến đầu năm 2019 thì biết chị H anh V ly thân, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống...."*, đủ cơ sở kết luận lời khai của chị H có căn cứ, xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V thường xuyên rượu chè, cờ bạc, anh V có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 3/2019 đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị H được ly hôn với anh V theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Chị H và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Thùy V, sinh ngày 26/01/2010 và cháu Nguyễn V D, sinh ngày 26/01/2010. Cháu V và cháu D có nguyện vọng sống với mẹ. Chị H có nơi ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ thôn T, xã S, có nghề nghiệp là công nhân công ty XXX, có thu nhập ổn định trung bình khoảng 11.163.000 đồng/tháng, anh V đến nay không trình bày về nguyện vọng nuôi con. Xét chị H đủ điều kiện nuôi con, anh V không có yêu cầu về nuôi con, nên giao hai cháu V, cháu D cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi tối đa cho hai cháu theo khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[5]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận nên chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, các Điều 269, 271, 272, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Tuấn V. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn V.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tuấn V có 02 con chung tên Nguyễn Thùy V, sinh ngày 26/01/2010 và cháu Nguyễn V D, sinh ngày 26/01/2010. Khi ly hôn, giáo cháu V và cháu D cho chị H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu V, cháu D đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh V cho chị H đến khi cháu V và cháu D đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Nguyễn Tuấn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0073186 ngày 12/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn V vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND xã S, huyện K, TP Hà Nội (ĐKKH: Số 31, quyển số 01/2010 ngày 19/3/2010).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

V Thiên H